

Số: 213 /QĐ-SNN

Hà Giang, ngày 24 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt các định mức kỹ thuật khuyến nông;
Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng mô hình CSA:
Thâm canh bền vững sản xuất hồng không hạt Yên Minh cấp nông hộ tại
xã Na Khê, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về
Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về
quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây
dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Công văn số 694/ UBND-XD ngày 22/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Hà Giang việc công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng
trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 1358/QĐ-BNN-XD ngày 19/6/2014 của Bộ Nông
nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án
thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Giang Dự án thành phần Cải
thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ;

Căn cứ Văn bản số: 776/BNN-TT ngày 27/01/2016 của Bộ Nông nghiệp
và PTNT về việc điều chỉnh mô hình CSA thuộc Hợp phần 3, Dự án WB7;

Căn cứ Quyết định số: 81/QĐ-TT-WB7 ngày 16/3/2016 của Cục trồng
trọt về việc Phê duyệt khung kế hoạch thực hiện mô hình nông nghiệp thông
minh thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BNN-BTC ngày
15/11/2010 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước
cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-BNN-TC ngày 05/5/2014 Quy định tạm
thời nội dung, mức hỗ trợ và mức chi cho các hoạt động khuyến nông sử dụng
nguồn ngân sách Trung ương;



Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về Định mức xây dựng cho mô hình khuyến nông trồng trọt;

Căn cứ Sổ tay thực hiện dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới theo quyết định số 3016/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về hướng dẫn thực hiện dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-SNN ngày 28/11/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc Phê duyệt thực hiện kế hoạch tổng thể Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA);

Công văn số 2325/TT-WB7 ngày 12/12/2016 của Cục Trồng trọt về việc góp ý thiết kế và kế hoạch thực hiện mô hình thực hành CSA dự án thành phần tỉnh Hà Giang (dự án WB7);

Quy định về mẫu của báo thiết kế mô hình CSA trong dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) do Ban Quản lý trung ương các dự án Thủy lợi (CPO) ban hành ngày 15/01/2016.

Căn cứ hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán do Liên danh tư vấn Trung tâm Thủy lợi miền núi phía Bắc và Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc lập;

Căn cứ Kết quả thẩm định “Mô hình CSA:Thâm canh bền vững sản xuất hồng không hạt Yên Minh cấp nông hộ tại xã Na Khê, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang,” Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA) Thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7) số: 335/BC-SNN-TTĐ592 ngày 20/7/2017 của Tổ thẩm định 592;

Xét đề nghị của Tổ trưởng tổ thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng mô hình CSA Thâm canh bền vững sản xuất hồng không hạt Yên Minh cấp nông hộ tại xã Na Khê, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang gồm các nội dung sau:

1. Tên mô hình: Thâm canh bền vững sản xuất hồng không hạt Yên Minh cấp nông hộ tại xã Na Khê.

2. Địa điểm xây dựng: Thôn Thèn Phùng, xã Na Khê, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

3. Diện tích triển khai mô hình: 7,8 ha.

4. Tên dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).

5. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Giang.

6. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án PTNT tỉnh Hà Giang.

7. Nhà thầu tư vấn CSA: Liên danh Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc và Trung tâm thủy lợi miền núi phía Bắc lập.

8. Nguồn vốn: Vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB).

9. Mục tiêu:

9.1. Mục tiêu tổng quát:

Mô hình CSA trồng mới giống hồng không hạt của tỉnh Hà Giang phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh nói chung và của huyện Yên Minh nói riêng.

+ *Về ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính:* Mô hình thâm canh hồng không hạt theo hướng VietGap, sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng, quản lý dịch hại theo IPM ... giúp tăng hiệu quả sử dụng phân bón và thuốc BVTV, từ đó giảm ô nhiễm môi trường; góp phần nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường, xử lý các rác thải độc hại (bao bì thuốc BVTV, phân bón) đúng cách ... sẽ làm giảm thiểu phát thải ô nhiễm trong quá trình sản xuất.

9.2. Mục tiêu cụ thể :

Lợi nhuận kinh tế tăng lên thông qua chất lượng và mẫu mã sản phẩm hồng không hạt tăng lên do sử dụng hợp lý nước tưới và phân bón theo nhu cầu từng thời kỳ sinh trưởng giúp cây phát triển tốt, mẫu mã, chất lượng, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm hồng không hạt tỉnh Hà Giang;

Dự kiến 7,8ha mô hình sẽ tăng hiệu quả kinh tế từ 10 – 15% so với vườn trồng không được áp dụng các biện pháp kỹ thuật về quản lý nước tưới và phân bón.

10. Các hoạt động thực hiện mô hình:

10.1. Hỗ trợ thực hiện mô hình (Phần nông nghiệp):

- Thiết kế mô hình trồng: Thực hiện 1 lần vào quý 3 năm 2017
- Đào hố bón lót: Trong quý 3/2017
- Trồng cây con và cây trồng xen: Trong quý 3/2017 (sau đào hố bón lót 30 ngày)
- Bón phân: Hàng năm thực hiện bón 3 lần: lần 1 vào tháng 2 – 3, lần 2 vào tháng 4 – 5, lần 3: tháng 11-12 (cây >4 tuổi), từ tháng 7 – 8 (cây 1 – 3 tuổi).
- Quản lý cỏ dại: Định kỳ hàng năm làm sạch cỏ bằng biện pháp xới hoặc cắt bằng máy vào tháng 01. Sau đó, dùng cây phân xanh (cây cốt khí) phủ kín bề mặt.
- Quản lý dịch hại: Thường xuyên theo dõi vườn, nhận diện dịch hại; Xác định mật độ, tần suất xuất hiện, mức độ gây hại, tỷ lệ hại.
- Bổ sung dinh dưỡng qua lá: Bổ sung khi thấy xuất hiện triệu chứng thiếu hụt
- Tia canh thường xuyên: Sau mỗi đợt lộc hoặc định kỳ 3 tháng/lần

10.2. Xây dựng Cơ sở hạ tầng. (Hệ thống tưới):

- + Quy mô thực hiện mô hình: Diện tích thực hiện mô hình: 7,8ha;

Đập dâng: Đập dâng được đặt tại cao trình 826,5m. Kết cấu đập bê tông M200, chiều rộng Btr = 1m, chiều dài L = 10m và chiều cao của tràn Htr = 1,0m. Móng đập được làm chân khay chôn sâu vào trong đất 1,0m.

Nước được lấy từ hồ lắng 2 thông qua hệ thống thu nước được bố trí thượng lưu đập (dọc theo chiều dài đập). Hệ thống thu nước và lắng gồm 3 hồ: hồ thu nước có kích thước (4,7x1,1x0,8)m; hồ lắng 1 kích thước (2,55x1,1x0,8)m và hồ lắng 2 kích thước (2,55x1,1x0,8)m kết cấu bê tông M200.

Bể trữ nước.: Bể trữ nước tưới cho khu mô hình là 300m³; bể có kích thước đáy dưới (10x5)m; trên mặt (16x11)m; sâu 3m. Bể xây dựng bằng công nghệ bê tông thành mỏng, lớp dưới đáy là lớp bê tông M200 đá (0,5x1)cm, dày 4cm. Tiếp theo là lớp lưới thép mắt vuông (2x2)cm, đường kính 2mm hàn thành lớp, trên lớp lưới thép là lớp bê tông M200 đá (0,5x1)cm, dày 4cm.

Đường ống dẫn nước từ đập vào bể trữ nước.

Đường kính ống dẫn từ đập về bể trữ là ống HDPE-PE100(PN10) đường kính 50mm, chiều dài 661m. Trên tuyến ống có lắp van xả khí; van xả cặn và van điều áp cơ 18”; Ống được đặt theo tuyến đi từ đập về bể trữ.

Hệ thống ống chính; ống nhánh; mặt ruộng

+ Tuyến ống chính; ống nhánh: Hệ thống đường ống chính là ống HDPE-PE100 (PN8); ống nhánh là ống PVC (PN8); trên đầu tuyến ống nhánh có lắp van Equanet,

+ Tưới mặt ruộng: Các trụ vòi tưới: Các khu vực tưới bằng thiết bị phun mưa cầm tay được dẫn nước bằng ống PVC đường kính từ D48mm – D60mm, chôn sâu 40cm, được cấp qua các họng cấp nước cố định, khoảng cách giữa các họng là 30m. Mỗi họng có cụm vòi được thiết kế đồng bộ, linh động, có thể tháo ra lắp vào khi cần tưới.

Giải pháp tưới nhỏ giọt.: Thiết bị tưới nhỏ giọt quanh gốc là các đầu nối, dây tưới có thông số kỹ thuật (lưu lượng q = 2l/h, khoảng cách giữa các lỗ trong dây tưới a = 30cm) đường kính dây nhỏ giọt D8mm. Bán kính dây quấn quanh gốc được bố trí là r = 1m để bộ rễ của cây có thể hấp thụ nước tưới tốt nhất.

11. Kinh phí thực hiện mô hình:

Tổng kinh phí mô hình (A+B): 3.131.662.000 đồng.

Kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ: 2.916.662.000 đồng.

(Hai tỷ, chín trăm mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn.)

Chi tiết như sau:

11.1. Hỗ trợ thực hiện mô hình (Phần nông nghiệp) 1.371.000.000 đồng

Nội dung	Tổng kinh phí thực hiện	Nhân dân đóng góp	KP đề nghị nhà nước hỗ trợ
- Dụng cụ, máy móc	319.500.000		319.500.000
- Nguyên liệu, năng lượng	976.136.875	215.000.000	761.136.875
- Chi khác	45.000.000		45.000.000
- Chi phí quản lý	30.363.125		30.363.125
Cộng	1.371.000.000	215.000.000	1.156.000.000

B. Xây dựng Cơ sở hạ tầng. (Hệ thống tưới): 1.760.662.000 đồng

1	Chi phí xây dựng	1.464.225.799	đồng
2	Chi phí quản lý dự án	35.407.448	đồng
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	29.597.346	đồng
4	Chi phí khác	71.371.202	đồng
5	Chi phí dự phòng	160.060.180	đồng
	TỔNG CỘNG	1.760.662.000	đồng

(Chi tiết tại bản vẽ thiết kế kỹ thuật, dự toán và Báo cáo thiết kế)

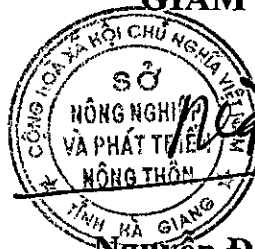
Điều 2: Ban quản lý các dự án PTNT, tổ giúp việc Hợp phần 3, các tổ chức liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát chất lượng theo các tiêu chí, hạng mục công việc và thực hiện các nhiệm vụ được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu của nhà tài trợ, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Điều 3: Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch Sở, Giám đốc Ban quản lý các dự án phát triển nông thôn, Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: Chức

- UBND tỉnh (BC);
- Cục Trồng trọt (BC);
- CPO Thủy lợi (BC);
- Tổ giúp việc HP3;
- Tổ thẩm định 592;
- BQL các DA PTNT;
- Như Điều 3;
- Lưu VT;

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Vinh

